TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/5/2019
"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính;

2/ Bà Lê Thị Kiều Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Minh Khuê;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 730/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Hòa H, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn X, Xã P, Tp.P, tỉnh Bình Thuận.

***/ Bị đơn:** Ông Trần Văn N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn X, Xã P, Tp.P, tỉnh Bình Thuận

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/6/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Hòa H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hòa H và ông Trần Văn N tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống vào năm 2015, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại UBND Xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2016, ngày 0712/2016. Trong quá trình chung sống bà và ông N không hợp nhau thường xuyên cãi vã, ông N thường xuyên đánh đập bà, lần gần đây có Giấy chứng nhận thương tích vào ngày 20/12/2018, do bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Hai vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con chung: Có một con chung là Trần Nam V, sinh ngày 11/11/2016;

Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nam V và yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên Tòa bị đơn ông Trần Văn N vắng mặt.*

Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn X, Xã P, thành phố P. Tòa án đã thông báo cho ông N biết việc bà H yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông vẫn bỏ mặc không đến Tòa, do vậy Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: "Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về con chung giao con chung tên Trần Nam Vcho bà Trần Thị Hòa H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H yêu cầu ông N góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, bị đơn ông N có nơi cư trú tại Thôn X, Xã P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu

cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hòa H về việc *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P.

[2] - Nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho thấy: quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Hòa H và ông Trần Văn N là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND Xã H, huyện H1 theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2016, ngày 07/12/2016. Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông N phát sinh mâu thuẫn theo bà cho rằng do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay xảy ra bất hòa nhau, không hòa hợp với nhau trong cuộc sống vợ chồng. ông N thường xuyên đánh đập bà, theo giấy chứng nhận thương tích ngày 20/12/2018 và biên bản xác nhận của công an xã P, công an có đến nhà ông bà để giải quyết việc ông N đánh bà. Khi Tòa án thông báo cho ông N biết việc bà H xin ly hôn với ông nhưng ông N vẫn bỏ mặc không quan tâm đến.

Tại phiên toà hôm nay vẫn không có mặt ông N chứng tỏ, ông đã khước từ quyền tham gia tố tụng của mình, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt ông N là phù hợp, đảm bảo quyền chính đáng, hợp pháp cho bà H.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Hòa H và ông Trần Văn N đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND Xã H, huyện H1, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 86/2016, ngày 07/12/2016. Qua tự khai và phần trình bày của bà H tại phiên tòa HĐXX nhận thấy đời sống chung của vợ chồng bà H và ông N không được hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn. Bà H và ông N hiện đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Nhận thấy việc bà Trần Thị Hòa H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Văn N là hoàn toàn chính đáng .Từ những nhận định trên yêu cầu xin ly hôn của bà H thỏa mãn điều kiện quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu xin ly hôn của bà H được chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 1 con chung: Trần Nam V, sinh ngày 11/11/2016

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Nam V, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng .

Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ: Cháu Trần Nam V, sinh năm 2016 chưa tròn 3 tuổi cho nên giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng bà H yêu cầu ông N cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị Hòa H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật. Ông Trần Văn N phãi nộp án phí góp phí tổn nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P phát biểu quan điểm vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Trần N Việt và cấp dưỡng nuôi dưỡng của bà H. Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là hợp lý nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ <u>Áp dụng</u>:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ <u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Hòa H:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hòa H được ly hôn ông Trần Văn N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Nam V, sinh ngày 11/11/2016 cho bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc cấp N cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V tròn 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn bà H và ông N vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

- Về án phí: Bà Trần Thị Hòa H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0022903 ngày 07/12/2018 do Chi cục Thi hành

án dân sự thành phố P thu. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Buộc ông Trần Văn N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo bản án của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/5/2019). Quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp.P;
- Chi cục THADS P;
- UBND nơi ĐK kết hôn;
- Lưu hồ sơ.